

## PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA THÍCH THIÊM

### QUYỂN 3

Tiếp đến trong phần giải thích bốn Tất đàn nêu ra bốn chương tách biệt giải thích. Đầu tiên nêu ra mười chương thông suốt cả một thời đại, trong đó phân làm hai: bảy chương trước cùng dựa theo các kinh, ở chương sau chỉ là ý kinh này. bảy chương trước lại phân làm bốn: Hai chương đầu chính thức trình bày về Tất đàn, hai chương tiếp là danh nghĩa đồng - dị, hai chương tiếp theo là công năng đã phát khởi; một chương tiếp theo là tự chứng và lợi tha được - mất. Hai chương đầu thì trước là tên Tổng, sau là tướng Biệt. Tiếp theo trong hai chương danh nghĩa đồng - dị, đầu là một tên gọi có đồng - dị nhưng nghĩa luôn luôn giống nhau, tiếp là một tên gọi luôn luôn khác nhau mà nghĩa như nhau. Hai chương tiếp theo, đầu là phạm phu phát khởi quán, Thánh nhân thành lập giáo, tiếp sau là chỉ có Thánh nhân giảng thuyết, im lặng. Một chương tiếp theo là phạm Thánh được - mất. Tiếp đến trong ba chương sau, hai chương đầu trình bày ý kinh này, một chương sau trình bày văn kinh này. Ở trong hai chương trước, một chương đầu phân định về Quyền Thật, một chương tiếp khai mở về Quyền Thật. Đạt được ý này rồi mới biết Tất đàn suốt một thời đại không giống nhau, tuy nghĩa lý của bảy phần trước và Diệu của kinh này không một mình hiển bày, mà trình bày tách biệt về Bộ này cho nên có ba chương sau, hãy suy nghĩ tường tận điều này! Đầu tiên trong phần giải thích tên gọi, có ba: Một. Dẫn chung về các Sư trước đây; Hai. Dẫn luận phá bỏ; Ba. Dẫn Nam Nhạc chính thức giải thích. Phần đầu giống như văn. Văn phần tiếp theo trước tiên dẫn kinh Địa Trì chứng minh sai lầm, tiếp đến chính thức phá bỏ sai lầm. Đầu dẫn ra bốn pháp ấn (Ưu-đa-na) trong kinh Địa Trì, phẩm Bồ-đề Phần thứ mười bảy trong kinh ấy nói: “Tất cả sở hành sở học còn lại đều hòa vào ba Tam muội môn, đó gọi là sở hành sở học của Thanh văn có bốn pháp Ưu-đa-na. Chư Phật Bồ tát vì chúng sanh cho nên cũng thuyết về bốn pháp này, nghĩa là tất cả hành khổ là pháp Ưu-đa-na, cho đến Niết-bàn tịch diệt là pháp Ưu-đa-na. Chư Phật Bồ

tát có đầy đủ pháp này, lại lấy pháp này lần lượt trao cho chúng sanh thì gọi là Ưu-đa-na. Các bậc Mâu Ni. Tịch mặc quá khứ tôn kính lần lượt trao nhau, đó gọi là Ưu-đàn-na. Tăng lên cao và hiện bày cho đến đầy đủ vượt ra đệ nhất Hữu, đây gọi là Ưu-đa-na”. Văn Luận không có chữ Kinh, nhưng đề mục nói là kinh Địa Trì, cho nên nay dẫn ra nói là kinh vậy. bốn pháp này trong kinh Địa Trì gọi là Ấn, như dưới đây đã dẫn ra Đại Luận trình bày về pháp ấn không giống nhau, Đại thừa một ấn, Tiểu thừa có ba ấn. Văn Địa Trì, cho nên nay dẫn ra nói là kinh vậy. Bốn pháp này trong kinh Địa Trì gọi là Ấn, như dưới đây đã dẫn ra Đại Luận trình bày về pháp ấn thì không giống nhau, Đại thừa một ấn, Tiểu thừa có ba ấn. Hai ấn hợp với sanh tử, một ấn hợp với Niết-bàn, sanh tử lấy Vô thường làm ấn thứ nhất, Vô Ngã làm ấn thứ hai. Lại gọi là Tông, cho nên biết bốn pháp ấn này và bốn Tất đàn có danh nghĩa hoàn toàn khác biệt. Từ “Ấn thị...” trở xuống là giải thích về nghĩa Ấn và giáo hành, hai văn không như nhau. Thuyết thuộc về trí thế gian cho nên nói là học thuyết của Thế trí. Hỏi: Dựa theo giáo, dựa theo hành đều nói là truyền thụ có gì sai biệt? Đáp: Giáo là pháp sở truyền, cho nên nói Phật Bồ tát vốn có pháp này để thực hành là công của Năng truyền. Vì thế nói rằng các đấng Mâu Ni tịch mặc trải qua đời quá khứ. Chỉ là Phật và Phật đều có công hạnh truyền giáo lợi tha. Tăng thượng... ấy hoàn toàn là vì ca ngợi giải thích về Tông nghĩa. Nói là đệ nhất Hữu, nghĩa là trên đỉnh cao Tam giới, Hữu này khó thoát ra, cho nên nói ở trên đỉnh cao cuối cùng đệ nhất, vì thế lại nói là đệ nhất. Tiếp theo từ “Bỉ minh văn...” trở xuống là chính thức phá bỏ, từ “Như thử...” trở xuống là ví dụ phá bỏ, từ “Nam Nhục...” trở xuống là chính thức giải thích của Đại sư, tiếp là lời giải thích của riêng mình. Văn phần đầu là bốn Tất đàn tự phân làm bốn đoạn, văn đoạn đầu có hai: Đầu là giải thích, tiếp là liệt kê. Trong văn phần đầu nói là Thế giới, nghĩa là năm ấm sai biệt, giới và nhập cũng như vậy. Văn phần tiếp theo từ “Nhược vô...” trở xuống là hỏi, từ “Nhân giả...” trở xuống là trả lời, từ “Đệ nhất nghĩa...” trở xuống là hỏi, từ “Đáp...” trở xuống là trả lời. Từ “Ngoại nhân...” trở xuống là nguyên nhân loại trừ cái chấp ngang ngược của người ngoại đạo, không gọi là thế giới, không thông hiểu sai biệt, chỉ chấp chung là Ngã, không có nhân nói là tự nhiên, nhân không chính đáng nói là Phạm Thiên. Văn bốn Tất đàn này hoàn toàn trích ra từ Đại Luận. Trong Vị nhân Tất đàn có ba: Nêu ra - giải thích - kết luận. Trong phần giải thích, có hai: Đầu là chính thức giải thích, tiếp theo từ “Như tạp nghiệp...” trở xuống là thiết lập tướng chính phụ để loại trừ nghi ngờ. Văn phần đầu nói hoặc

là nghe theo hay không nghe theo, nghe theo là tùy thuận đồng tình, tuy trở lại cùng đưa ra mà ý nằm ở chỗ nghe theo, nghe theo là đã thích hợp, thích hợp tức là sanh thiện. Tiếp đến loại trừ nghi ngờ ấy, sợ rằng dẫn ra điều này trở thành nghi ngờ, trong văn sanh thiện lại có phá ác là thế nào vậy? Ở trong đó trước tiên đưa ra tướng trạng, tiếp đến là chính thức phân định. Văn phần đầu nói như tạp nghiệp... ấy là văn dẫn ra hai kinh nói rằng, như trong kinh giải thích. Bởi vì nghiệp tạp loạn cho nên thế gian sanh ra tạp loạn và lại có kinh Phá Quần Na.

Hỏi: Hai kinh này thông suốt thế nào?

Đáp: Có người không tin tội phước rơi vào đoạn kiến, vì đoạn trừ nghi ngờ của họ cho nên giải thích về những tạp nghiệp. Nếu như chấp là có Thần Ngã thì rơi vào thường kiến, như Phá Quần Na đến hỏi Đức Phật rằng ai nhận chịu đau khổ? Đức Phật dạy rằng: Ai nhận chịu lại còn tăng thêm tà kiến. Vì vậy không nói đến người nhận chịu, người tiếp xúc mà chỉ nói là không có tiếp xúc, không có nhận chịu. Hai người này tuy có nghi ngờ như vậy mà căn cơ đang sanh thiện. Tiếp từ “Thử ý...” trở xuống là chính thức phân định, ngoài vì hai người khiến cho phát sinh thiện căn, cho nên trong Vị nhân đều là phá ác, nhưng có phụ và chính thức, do đó nói chính là vì sanh thiện, phụ là phá ác. Ba là trong phần Đối trị cũng nêu ra - giải thích - kết luận. Trong giải thích có hai: Đầu là phân rõ có, không, tiếp từ “Đối trị...” trở xuống là chính thức giải thích về tướng. Trong văn phần đầu nói có pháp Đối trị thì có v.v... là có Năng trị - Sở trị cho nên gọi là có, trong Đệ nhất nghĩa đã không có năng sở, cho nên nói là không có. Thật tánh trong này chỉ là so sánh phân rõ để hiển bày Đối trị có năng sở mà thôi. Tiếp đến trong phần kết luận nói rằng: Nói những vị thuốc giáo pháp này, là luận chung về bốn Tất đàn không có gì không phải là vị thuốc giáo pháp, nay thuận theo giải thích tách biệt từ phương diện Đối trị lập thành tên gọi cho tiện, nên tạm thời nói như vậy. Tiếp đến trong phần Đệ nhất nghĩa cũng nêu ra - giải thích - kết luận. Trong giải thích có hai: Đầu là thành lập hai loại khác nhau; tiếp từ “Bất khả...” trở xuống là giải thích hai loại tướng. Văn phần đầu nói là có hai loại, ý nói là văn này nói đến Đệ nhất nghĩa, thì thuận theo phương diện giáo pháp chính đáng có thể nói, không thể nói ấy là hướng về phương diện nội chứng thì không phải là ý văn này cho nên cần phải phân rõ khác nhau. Đầu tiên trong phần giải thích về bất khả thuyết, (không thể nói) trước là chính thức đưa ra tướng, tiếp là dẫn Luận chứng minh. Văn phần đầu là chứng pháp không có căn cứ cần phải nhờ vào con người phân rõ, cho nên nói là pháp của chư Phật

cùng đạt được. Kệ đã dẫn ra ấy cũng là dẫn ra văn Đệ nhất nghĩa trong Luận, hai câu đầu trình bày về công năng chứng pháp, bởi vì có năng lực xa rời ngôn thuyết vọng tưởng. Hai câu tiếp theo là trình bày về pháp Thể đã chứng, câu trước chính thức trình bày về pháp Thể, câu tiếp dẫn ra ví dụ so sánh giải thích, như chư Phật quá khứ đã đạt được pháp Niết-bàn không sanh diệt ở trong thân mình. Từ “Thuyết chư...” trở xuống là một kệ cùng với Thể giới phân rõ lẫn nhau, trước là trình bày về thế giới cũng cùng với Đệ nhất nghĩa phân rõ lẫn nhau cho nên nay cũng như vậy. Tiếp đến là khả thuyết, (có thể nói) chính thức trình bày ý bốn câu này đều là Thật, cho nên không có gì không phải là Đệ nhất nghĩa. Từ “Phật ư...” trở xuống là dẫn chứng, đây cũng là một cách trình bày về bốn môn phù hợp với Thật ấy là phân định rõ ràng vậy, nghĩa là tất cả bốn câu đều là Thật, theo thứ tự để đối chiếu bốn môn đều là Hữu. Trên đây đều gọi là Đẳng ấy là phù hợp với Thật. Từ “Cố Trung luận...” trở xuống là chứng được ý phù hợp với Thật, nghĩa là vì hàng lợi căn; như ngựa chạy nhanh thấy bóng roi giống như Chỉ Quán quyển thứ hai ghi. Từ “Nhược văn...” trở xuống là kết luận, lại lấy không kết thành có, cho nên nói há là Đệ nhất nghĩa hay sao? Mười lăm loại ấy lại có hai: Đầu là chính thức giải thích; tiếp là “Vấn...” trở xuống là liệtu giản. Văn phần đầu là toàn bộ mười lăm loại, đó là: 1. Sự lý; 2. Giả thật; 3. Người thiện ác; 4. Ấm thiện ác; 5. Pháp thiện ác; 6. Ba đời; 7. Nội ngoại phạm; 8. Kiến, Tu Thánh; 9. Phạm và Thánh, phi Học phi Vô học tức là địa vị phạm; 10. đến; 13. Bốn Tất đàn đều là một loại; 14. Dùng bốn Tất đàn nối thông với nhau thành một loại; 15. Tách biệt dựa theo bốn Đế. Mười lăm loại này là muốn khiến cho người hiểu rõ nghĩa bốn Tất đàn biến khắp tất cả các pháp. Nếu đạt được ý này thì xúc cảnh đều thành tựu pháp Tự hành - Hóa tha đều đầy đủ. Nhưng cần phải giải thích tường tận mười lăm loại này đều khiến cho thuận với hoan hỷ, sanh thiện, phá ác, nhập chân, đồng thời mười lăm loại này tuy hưởng về nêu ra một pháp mà không thể không có thứ tự, trong đó phân làm bốn: sáu loại đầu dựa theo Nhân (người) Pháp sở quán; tiếp theo ba loại Nội ngoại phạm xuống dưới dựa theo phạm - Thánh năng quán, ba là năm loại dựa theo phương pháp được thi thiết, bốn là một loại dựa theo Đế sở quán, không phải pháp sở quán thì không thể nào thành tựu người năng quán, không phải người năng quán thì không thể nào sử dụng pháp đã thi thiết, không phải ba loại trên cho nên không thành tựu đối với Đế, Đế vốn là nghĩa sở quán nối thông với nhân pháp năng sở mê ngộ. Nay sơ lược đưa ra tướng trạng không thể nào ghi chép đầy đủ

được. Đầu là Sự Lý tức gọi chung cho các pháp nhân quả - mê ngộ... Nay tạm thời đang mê vì mê nói ở trong Sự có Lý mà Lý khác hẳn đối với Sự, nghe thẳng đến pháp này tâm sinh ra hoan hỷ thuộc về Thế giới, Tất đàn nghe thấy có năng lực sanh thiện, phá ác, đi vào chân thật tức là thuộc về ba Tất đàn sau. Giả Thật khác nhau cho nên nghe thấy lại sanh hoan hỷ tức là thuộc về Thế giới, các luân ví cho Thật pháp, xe thì ví cho Giả danh, năm ấm và người cùng ví cho hòa hợp mà nói tức là Vị nhân, Luận đã nói hoặc là nói có người không có người bởi vì con người có năng lực sanh thiện. Chỉ nói về Thật pháp, Thật pháp hư huyền, có thể dùng quán để Đối trị. Từ “Song phi...” trở xuống là trình bày về Đệ nhất nghĩa. Trong Luận đã nói ngôn ngữ đạo đoạn cho nên nói Song phi chính là Đệ nhất nghĩa, vì vậy mỗi một Tất đàn đều dẫn Luận để chứng minh Giả Thật tương đối này làm một loại. Tiếp theo chỉ dựa theo Giả Nhân (người). Tiếp đến chỉ dựa theo Thật Pháp. Từ ngoại phạm ấm sanh khởi nội phạm ấm, dùng nội ngoại phạm ấm phá bỏ tam giới ấm, Vô lậu tức là các ấm Sơ quả, tuy có những nội ngoại phạm khác nhau nhưng ấm cuối cùng chính là cảnh của sở quán. Tiếp đến từ “Vấn...” trở xuống là sơ lược về liệu giản. Đầu tiên là hỏi, tên gọi con người đã nổi thông với nhau, vì sao sanh thiện một mình đạt được tên gọi con người? Ý trả lời rằng: Ác là bị phá trừ chứ không phải là được thực hiện cho nên không lập thành tên gọi con người, con người có thể sanh thiện chứ không phải không có người ác. Tiếp theo hỏi: Sanh thiện chỉ thuộc về Vị nhân, tại vì sao khiến con người phá ác? Ý trả lời rằng: Có chính phủ cho nên đạt được tên gọi không như nhau. Tiếp theo dựa vào trong ba đời thì đời sau là Vị nhân, Vị nhân vốn phát sinh thiện nghiệp đời trước, hiện tại gieo trồng mầm thiện nhỏ bé thì tương lai có thể nảy sinh, lấy tương lai hướng về hiện tại cho nên hiện tại gọi là vốn có. Nếu Đối trị ác nghiệp hiện tại thì gọi là Đối trị có thể thấy. Tiếp theo dựa vào địa vị phạm phu, lấy bốn thiện căn bên trong dùng để hướng về ngoại phạm gọi là nội ngoại khác nhau, từ Noãn pháp trở đi, thiện ấm dần dần phát sinh, nghĩa thích hợp với sanh thiện, trong niệm tổng - biệt, dùng Vô Thường... sửa trị cho nên nói là Đối trị, bởi vì Đệ nhất nghĩa nổi thông với trước sau, trong địa vị phạm phu cũng được thông dụng. Tiếp đến dựa theo địa vị Thánh giả, Kiến đạo phát sanh Lý thiện, Tu đạo sửa trị Sự ác, đã hoàn toàn dựa theo địa vị Thánh giả, trong địa vị Thánh giả cao nhất mới gọi là Đệ nhất nghĩa. Tiếp đến phạm Thánh cùng thiết lập Song Phi tức là phần vị nội ngoại phạm. Tiếp đến từ “Thế giới...” trở xuống là liệu giản loại trừ nghi ngờ, không phải mười lăm loại kể ra,

căn cứ vào văn trước nói trong thế giới không có Đệ nhất nghĩa, nay hỏi Vị nhân, Đối trị là có Đệ nhất nghĩa, Đệ nhất nghĩa có cả ba hay sao? Vì vậy văn này nói lần lượt phát sanh lẫn nhau, bởi quán sát thế giới nên sanh thiện, dựa vào sanh thiện nên phá ác, dựa vào phá ác cho nên thấy Lý, trong Lý thì không có thế giới.. Vậy thì thiện sanh, ác diệt, nếu như cùng là có, không thì rốt cuộc không thấy được lý. Tiếp đến dựa theo bốn Tất đàn, tất cả thành lập bốn Tất đàn, tất cả thành lập bốn Tất đàn, vẫn dẫn ra nguyên văn trong Đại luận trước đây, văn tự nhiên có đủ tất cả cho nên tiến hành giải thích như vậy. Tiếp theo cùng lấy bốn Tất đàn giải thích. Hỏi: bốn Tất đàn này khác nhau lấy làm thành thế giới chấp nhận có thể khác với trước, dùng ba Tất đàn dưới nối thông với ba cùng với trước sai khác ra sao? Đáp: Một Tất đàn trước đều có bốn trở thành mười sáu người, nay bốn thông với bốn chỉ đối với bốn người, pháp tướng tuy như vậy mà ở con người thì hoặc là Bất định, hoặc là chung, hoặc là riêng, hoặc một người có đủ bốn, hoặc là ba, hai hay một; hoặc nhiều người cùng là một, hoặc là hai, ba hay bốn. Nếu thuận theo những thích hợp từ đầu đến cuối mà luận thì người nào không nhờ vào nghe pháp, hoan hy, sanh thiện, phá ác thấy được Đệ nhất nghĩa ư? Đều là căn có lợi độn hoặc là vượt lên trên hoặc là theo thứ tự mà thôi. Dựa theo trong Đế có năng lực Đối trị vốn thuộc về con người, liệu giản giống như văn.

Ba là giải thích về thành tựu.

Hỏi: Trong Tịnh Danh Sớ, Đại sư nói: Người thế gian phần lớn dùng Kinh để giải thích Luận khiến cho người ta nói rằng Luận phong phú mà Kinh nghèo nàn. Nay dùng Luận giải thích Kinh, khiến cho biết rằng Kinh phong phú mà Luận nghèo nàn. Trong này vì sao lại đem Kinh giải thích Luận?

Đáp: Nói là giải thích về thành tựu ấy là bởi vì nghĩa giống nhau cho nên dẫn ra để phối hợp khiến cho có thể biết được ý Luận, chứ không phải nói là lấy Kinh giải thích Luận. Hướng hồ đây là nói rõ kinh riêng Luận ở nơi lý không có gì tổn hại. Trong phần này phân làm ba: Một. Mục đích hướng đến; Hai. Nêu ra Kinh; Ba. “Lạc dục...” trở xuống chính thức giải thích về thành tựu. Hai phần đầu giống như văn. Trong phần chính thức giải thích về thành tựu thì hai phần trước là danh khác nghĩa đồng cần phải kết hợp lại, hai phần sau là danh nghĩa đều giống nhau không cần kết hợp. Hai phần đầu phân làm hai, đầu tiên là thế giới phân thành ba: Một. Trình bày về đạt được tên gọi không như nhau tức là tên gọi khác nhau; Hai. Dẫn chứng; Ba. Từ “Phật kinh...” trở xuống



là chính thức trình bày sự phối hợp thành tựu. Phần đầu giống như văn. Hai văn dẫn chứng, văn tuy tựa như nhân mà ý gồm đủ nhân quả, là quả thiện quả ác vậy. Hai văn dẫn chứng, văn tuy tựa như nhân mà ý gồm đủ nhân quả, là quả thiện quả ác vậy. Dục tức là nhân vậy. Quả lấy nhân làm căn bản, là quả Phật đạo. Căn cứ vào văn Tịnh Danh nói thực hành ở phi đạo. Nay lấy tên gọi của Dục nối thông với nông sâu, Thể của đạo không có Dục - Dục có thể làm nhân tố. Ba là trong phần giải thích về thành tựu, nhân chắc chắn có quả cho nên lấy nhân tác thành quả. Tiếp theo trong phần Vị nhân có bốn: Một. Tên gọi khác nhau; Hai. Từ “Luận văn...” trở xuống là dẫn chứng, văn tựa như chỉ chứng minh về Hóa chủ mà ý bao gồm những sự thích hợp đối với người thực hành, chấp nhận hay không chấp nhận thuộc về Hóa chủ, thích hợp hay không thích hợp thuộc về người thực hành; Ba. Từ “Như kim sư...” trở xuống là dẫn ra sự việc, con của thầy kim hoàn v.v... như trong Chỉ Quán quyển thứ năm có ghi; Bốn. Từ “Kinh cử...” trở xuống là thuận theo nhất định phải chờ đợi cơ hội cho nên dùng cơ để giải thích về ứng. Bốn là trong phần hướng về Đế, có hai: Trước là tách biệt, sau là tổng hợp. Trong phần tách biệt có hai: Trước là sơ lược, sau là mở rộng. Trong phần sơ lược nói “như trước” ấy là giống như giải thích riêng trước đây. Tiếp đến mở rộng, ấy là trước đây không phân tích về giáo cho nên sơ lược, nay từng giáo từng giáo đầy đủ cho nên mở rộng. Tổng hợp ấy là dùng mỗi một Tất đàn cùng đối với bốn Đế.

Năm là trong phần phát khởi Quán - Giáo, có hai: Trước là quán, tiếp là giáo. Trong phần Quán có hai: Trước là nói về ý, tiếp là chính thức phát khởi. Văn phần đầu, quán mượn Tất đàn mà thành tựu, lý dựa vào quán mà hiển bày. Văn tiếp theo lại có hai: Trước là thứ tự, lý dựa vào quán mà hiển bày. Văn tiếp theo lại có hai: Trước thứ tự, sau là một tâm. Trong phần thứ tự thì ba quán phân làm ba: Đầu là mở rộng quán Không, hai quán còn lại là giản lược. Trong phần đầu có hai: Trước là giải thích, tiếp là kết luận. Giải thích bốn Tất đàn phân làm bốn, đầu là trong thế giới có sáu: Một. Nêu ra; Hai. Từ “Tiên quán...” trở xuống là cảnh quán; Ba. Từ “Thử pháp...” trở xuống là trình bày về nguyên cơ sử dụng thế giới bởi lẽ nhân nội duyên ngoại, nhân thân duyên sơ, thân sơ cách biệt chính là ý hiển bày thế giới vậy; Bốn. Từ “Nhược bất...” trở xuống chính thức trình bày về ý quán; Năm. Từ “Tất tu...” trở xuống là vui với pháp quán, chữ Dịch âm là Di, cũng là âm Độ, âm Yếm; Sáu. Kết luận như văn. Trong Vị nhân, có ba: Một. Trình bày về ý Vị nhân; Hai. Từ “Nhược nghi...” trở xuống là chính thức trình bày về Sanh Thiện, Chỉ

Quán đều có ba giác phần, thuận theo một có thể thành tựu; Ba. Từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận. Ba là trong phần Đối trị có ba: Một. Trình bày về ý Đối trị; Hai. Chính thức trình bày tác dụng Đối trị cũng thuận theo một có thể thành tựu; Ba. Từ “Nhược thiện dụng...” trở xuống là so sánh phân rõ cùng với Vị nhân. Bốn là trong phần Đệ nhất nghĩa, có hai: Một. Chính thức trình bày về Đệ nhất nghĩa, không đạt được tướng của ba Tất đàn cho nên nói là giống như mất, đây là chứng được tướng Đệ nhất nghĩa trước đây; Hai. Từ “Tức y...” trở xuống là bởi vì đây là tướng Đệ nhất nghĩa chứng được từ trước cho nên nói là Phát Chân; còn lại hai quán và một tâm đều giản lược. Tiếp đến trong phần Khởi Giáo có hai: Trước là Bất khả thuyết dựa theo Lý, Lý tức là luôn luôn tu quán đã chứng đạt cho nên không thể nào nói được, tiếp từ “Hựu...” trở xuống là trình bày về Khả Thuyết, Thuyết tức là Giáo vậy. Đầu tiên trong phần Bất Khả Thuyết, có hai: Trước là Thông, tiếp từ “Đại kinh...” trở xuống là Biệt. Trước tiên trong văn phần Thông: Đầu là dẫn nghĩa Thông của các giáo trong Đại Luận, tiếp từ “Tịnh Danh...” trở xuống là nghĩa của Kinh ấy thuộc về Viên giáo, tuy có nghĩa này nhưng bởi vì không phân biệt đối với các giáo mà nói thẳng là Bất Khả Thuyết cho nên thuộc về Thông giáo vậy. Mười nhân duyên như sanh sanh... giống như trong Chỉ Quán quyển thứ năm có ghi. Tiếp theo là phần Khả thuyết, phân làm hai: Trước là trình bày về Thuyết nhân, tức là mười nhân duyên đã tạo thành chúng sanh, tiếp là chính thức trình bày về Thuyết lại có hai: Trước là Kinh, tiếp là Luận. Trước là trong Kinh lại có hai: Đầu là bốn giáo, tiếp là mười hai bộ. Thứ nhất là bốn giáo Khởi giáo chỉ là chuyển pháp luân mà thôi, tức là bốn vị Phật đảm nhận trách nhiệm đều chuyển pháp luân của giáo thuyết tương xứng, cũng nên thuận theo đối với Đốn Tiệm - Bí mật - Bất định nhưng là văn giản lược. Tiếp là dựa theo mười hai bộ, trong đó phân làm ba: Trước là nêu; tiếp là giải thích; ba từ “Đại Luận...” trở xuống là chỉ ra Luận chứng minh thành tựu. Trong phần giải thích có hai: Trước là bốn giáo, tiếp là năm thời. Văn tướng trong phần bốn giáo có thể thấy, luận bàn tường tận không thể nào hết được, trong phần Biệt giáo trước đây nói thế giới ngược lên, ngó xuống v.v... đầy đủ như trong Hoa Nghiêm nói. Thường Tịch Quang ấy là trong Phổ Hiền Quán nói: “Có thế giới Phật tên gọi Thường Tịch Quang, là trú xứ của Tỳ-lô-giá-na”. Nhân nhĩ tử thiết đều là môn tịch tĩnh như trong Chỉ Quán quyển thứ hai ghi đủ. Tiếp đến trong phần Khởi Luận, có bốn: Một. Trình bày về Tam muội sở y; Hai. Từ “Bồ tát...” trở xuống là ý tạo Luận; Ba. Từ “Thiên Thân...” trở xuống là chính thức đưa ra tướng



Luận; Bốn. Từ “Hựu ngũ thông...” trở xuống là trình bày về Luận thâm nhiếp. Văn phần đầu nói Ma-đặc-lặc-già, Trung Hoa nói là Trí Mẫu, Bồ tát đi vào Trí Mẫu Tam muội này tạo ra Luận nói rõ Kinh làm cho giáo pháp tồn tại lâu dài, vì thế nói là Chánh pháp đắc cứu trú thiên, vốn là Thử Thế Tha Thế Thiên thứ tám trong chín loại Đại Thiên của kinh Địa Trì, lại có chín loại, thứ bảy là tạo luận không điên đảo, tán tụng vi diệu, Ma-đặc-lặc-già là Thiên khiến cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài. Tiếp đến là phần ý tạo Luận có thể thấy. Luận Địa Trì giải thích phẩm Thập Địa trong Hoa Nghiêm, từ đây về sau trong bốn thời của một thế hệ đều có Luận nói rõ, chỉ riêng bộ Phương Đăng không có Luận riêng phân tích có thể lấy Duy Thức để trình bày dùng thay cho nhau, văn của Vô Tánh hoàn toàn giống như Bại Chủng vốn là vậy. Năm trăm La hán tạo ra Tỳ Bà Sa Luận như trong Chỉ Quán quyển thứ sáu ghi chép. Thông thâm nhiếp trong pháp luân hữu lậu thế gian nói là Ngũ Thông..., ấy là trình bày về thuyết uống thuốc bổ trường sinh. Đế Thích ở Dục giới chỉ thuyết về Thập Thiện, Phạm Thiên ở Sắc giới cho nên thuyết về Xuất dục, đây là tạm thời căn cứ theo văn về Tích môn. Dựa theo kinh như Hoa Nghiêm... thì chủ yếu là Bồ tát v.v... Văn - Hành - Thành - Tín là bốn đức của Khổng Tử. Quy định Lễ Nhạc - gạn lọc Thi Thư; “Dụ” giống như là Ích, là Nhiều vậy. “Côn”, sách Nhĩ. Nhã nói là Hậu vậy. Người đời Chu gọi huynh đệ là Côn Quý, Côn là anh, Quý là em. Chữ Dụ cũng làm thành chữ Cổn. Có đức là khen ngợi thì nghĩa giống như Sanh thiện, phản bội thì trừng phạt là nghĩa giống như Đoạn ác, đạo vua tôi phù hợp tợ như Đệ nhất nghĩa.

Sáu là trong phần nói và im lặng, có hai: Đầu là trình bày về im lặng, tiếp là hỏi đáp liệu giản. Văn phần đầu lại có hai: Trước là trình bày về ý hướng đến, tiếp là chính thức giải thích. Văn đầu có ba: Một. Dẫn ra giáo cùng thiết lập; Hai. Từ “Thánh thiết...” trở xuống là nêu ra tóm lược; Ba. Từ “Giả linh...” trở xuống trình bày về ý im lặng, bởi vì pháp tự chứng không thể nói cho người khác được. Tiếp theo trong phần chánh thuyết dựa theo đủ năm thời, và dựa theo Bộ này vốn có bao nhiêu giáo, thì dùng bốn pháp Bất Khả thuyết trong Đại Kinh mà lập lại giải thích. Văn phần đầu có thể hiểu. Tiếp đến trong Tam Tạng nói Trần Như... là, trong Đại Tập nói đó là lý rất sâu xa không thể nói được, Đệ nhất nghĩa để không có âm Thanh văn tự, Tỳ-kheo Trần Như đối với các pháp đạt được tri kiến chân thật. Đại Tập Vô Ngôn Bồ tát, trong quyển thứ mười ba nói: “Tướng quân Sư Tử trong thành Vương xá sinh ra một người con, có vị Trời tìm đến nói lời như vậy: Này người

thiện nam! Cần phải luôn luôn nghĩ đến pháp, giữ miệng nói năng cẩn thận! Đứa trẻ nghe rồi không khóc lóc nữa không còn tướng mạo của trẻ thơ cho đến bảy ngày mắt không nhấp nháy, lúc này có người nói với cha mẹ đứa trẻ rằng: Đứa bé này không may cam không thể nói được. Cha mẹ đứa trẻ đáp rằng: Đứa bé này tuy là bị cam không thể nói được nhưng thân tướng đầy đủ, nên biết đứa bé này ắt phải có phước đức. Vì vậy đặt tên gọi là Vô Ngôn. Năm lên tám tuổi mọi người đều thích nhìn. Nhờ vào Phật lực cho nên cùng với cha mẹ quyến thuiộc hưởng đến trong vùng sang trọng ở giữa Dục giới và Sắc giới được thấy Đức Thích ca Mâu Ni và trông thấy hết thảy chư Phật khắp mười phương. Bởi vì Thân Tử hỏi nên hiện bày nhiều thần thông biến hóa thuyết kệ ca ngợi Phật...” Nay nói Vô Ngôn ở đây tức là Khế lý. Đại Phẩm bất khả đắc ấy là trong kinh Đại Phẩm quyển thứ mười nói “Kiều Thi Ca thưa với Đức Phật rằng: Lúc Bồ tát hành Bát-nhã biết tâm của tất cả chúng sanh không thể đạt được, cho đến hiểu biết, trông thấy hình sắc, thậm chí Vô thượng Bồ-đề thấy đều không thể đạt được, tại vì sao? Bởi vì Bát-nhã không phải là pháp đạt được”. Trong mỗi một văn đều nói là Đế ấy là chư Phật đã thuyết giáo không có gì không dựa vào Đế, bởi vì trong bốn Đế có đủ nhân quả thế gian và xuất thế gian, cho dù đường dài thuyết giảng phân tán trong bốn Đế nhưng nhất định thuộc về một Đế. Trong phần liệu giản có hai phần hỏi - đáp. Thứ nhất là hỏi có thể biết, bởi vì văn trước đây nói hoàn toàn là pháp của ba Thừa đã chứng được mà Tự lợi và Lợi tha đều có im lặng, vì vậy cần phải hỏi để biết. Trong phần trả lời vốn có đưa ra bốn Tất đàn, Hiếp Tỳ-kheo đối đáp phá bỏ Mã Minh, tương truyền giải thích rằng: “Lúc Mã Minh chưa có niềm tin đối với Đại thừa đi đến nơi Hiếp Tỳ-kheo, tự thành lập tông chỉ nói rằng có ngôn từ là khuất phục xin chặt đầu để nhận lỗi. Tỳ-kheo vẫn im lặng. Mã Minh rất lâu mới đến nói rằng Tỳ-kheo đối với tôi có điều khuất phục cho nên im lặng không nói. Tỳ-kheo hãy còn im lặng. Thế là Mã Minh liền đi ra ngoài cửa tự tư duy rằng lúc đầu mình thành lập im lặng thì vị ấy lại không nói, mà mình có nói mới trở thành khuất phục mình. Lại đến nơi Tỳ-kheo cầu xin tự chặt đầu. Tỳ-kheo nói: Pháp Ta nhân ái từ bi không chặt đầu ông, ông nên cạo tóc làm đệ tử của Ta!” Nếu như theo truyện Phú Pháp Tạng thì Hiếp Tỳ-kheo Phú Pháp cho Phú-na-xa, Phú-na-xa luận hơn hẳn nên Mã Minh cạo đầu làm đệ tử. Mã Minh lúc đầu ở trong rừng rảnh rạn tự tư duy rằng: Trí tuệ rất tuyệt vời có người chất vấn có thể thông suốt; nên chấp là thật sự có Ngã, rất tự hào cao ngạo đi đến nơi Phú-na-xa. Phú-na-xa nói: Các pháp Vô Ngã. Mã Minh

nói: Tất cả ngôn luận tôi đều có thể đánh bại, lời này nếu như giả dối thì cần phải chịu chặt đầu. Phú-na-xa nói: Trong Phật pháp gồm có hai Đế, Thế Đế có Ngã và Đệ nhất nghĩa Đế là Vô Ngã. Mã Minh hãy còn chưa khuất phục. Phú-na-xa nói: Ông tư duy tử mả không có gì ra ngoài lời nói trống rỗng thì xác minh là ai thắng? Mã Minh tư duy hai Đế sau đó mới khuất phục muốn tự chặt đầu. Phú-na-xa khiến cạo tóc để làm đệ tử. Nếu như theo ý truyện thì chỉ dùng hai Đế để phá bỏ chứ không phải là im lặng phá bỏ. Như trong Bà Sa Luận nói: “Từng nghe có Đại Luận Sư tên gọi là Xa-đề-la đến nước Kế Tân, vào lúc ấy trong rừng Phật Tích có A-la-hán tên gọi Bà di tú la, đầy đủ ba Minh thông suốt ba Tạng. Lúc ấy Xa-đề-la nghe trong rừng ấy có Đại Luận Sư liền hướng về nơi đó, đến rồi thăm hỏi xong ngồi ở một bên. Lúc ấy Xa-đề-la nói với Tôn Giả rằng: Ai thành lập Luận trước tiên? Đáp: Ta là cũ nên thành lập Luận trước tiên. Xa-đề-la nói: Tất cả Luận có trả lời. Lúc ấy Bà Di Tú La ngồi im lặng. Các đệ tử của Bà di tú la nói to rằng: Thầy ông nếu là Xa-đề-la thì sự sẽ biết! Từ khu rừng đứng dậy mà lần lượt đi về phía trước. Xa-đề-la bèn suy nghĩ: Sa môn Thích Tử vì sao nói lời: “Thầy ông nếu như là Xa-đề-la thì tự nhiên rõ biết?” Ngay lúc ấy tự nhớ lại mình có nói lời rằng: Tất cả Luận có trả lời; Sa môn ấy im lặng thì chính là mình luận mà không có trả lời, Sa môn đã thắng. Lập tức trả lời với đệ tử rằng: Ta trở lại đến nơi ấy. Đệ tử: Đã ở trong chúng được thắng cuộc vì sao lại hướng về nơi ấy? Sư nói: Ta thà ở bên người trí mà thua cuộc chứ không ở bên người ngu mà thắng cuộc. Ngay lập tức đến nơi vị ấy phát ra lời nói như vậy: Ông là người thắng cuộc, tôi là người thua cuộc, ông là Thầy tôi, tôi là đệ tử ông”. Đây là Bà di tú la chính dùng im lặng phá bỏ nhưng cùng với văn này khác nhau về tên gọi.

Phần hỏi tiếp theo, trong Đại Luận nói “Bốn Tất đàn thâu nhiếp tám vạn bốn ngàn pháp tạng và mười hai bộ Kinh.” Thâu nhiếp mười hai bộ đã nói như trước, thâu nhiếp tám vạn bốn ngàn pháp tạng thì tướng trạng ấy như thế nào?

Đáp: Trong phần dẫn Kinh vốn có đưa ra nhiều tướng, đã nói từ Sơ tâm cho đến xá lợi, do đó biết bốn Tất đàn thâu nhiếp các giáo suốt một thời kỳ, vì thế nói là tám vạn bốn ngàn vậy. Trong đó đầu là dẫn ra Kinh Hiền Kiếp, tiếp là dẫn ra thuyết khác nhau. Văn phần đầu có hai: Trước là dẫn Kinh Hiền Kiếp cùng chất vấn; tiếp từ “Nhược tác...” trở xuống là tập hợp nhiều các giáo khác biệt để so sánh bốn Tất đàn. Trong văn Chỉ Quán sử dụng đối chiếu với bốn Đế, nay đối với bốn Tất đàn là bởi vì nghĩa bốn Tất đàn giống như bốn Đế, cho nên đầy đủ như trong phần

đối chiếu bốn Đế đã nói, còn các thuyết về tám vạn bốn ngàn pháp tạng lại có tướng khác nhau như Chỉ Quán quyển thứ nhất ghi chép. Nhưng trong Kinh Đại Anh Lạc thì sáu Độ đều nói là Độ vô cực, vì thế thời Tấn - Tống dịch Kinh đều phiên Ba-la-mật là Độ vô cực.

Bấy là Đắc Dụng, đắc có nghĩa là tự chứng, Dụng là Lợi tha vậy. Trong đó phân thành hai: Trước là nêu ra, tiếp là giải thích. Trong phần giải thích lại có hai: Đầu là nêu ra quả cao nhất; tiếp là nêu ra người ở vị nhân. Trong phần con người ở vị nhân, có hai: Trước nêu ra bốn câu, tiếp là giải thích. Trong phần giải thích thì phàm phu và bốn giáo không giống nhau, thứ nhất là Tạng giáo - Thông giáo đều phân ra Nhị thừa và Bồ tát để tách biệt giải thích. Đầu là trong phần Nhị thừa Tam Tạng giáo thì trước là Thanh văn, tiếp là Bích chi Phật. Đầu là trong phần Thanh văn, có hai: Trước là trình bày về Đắc mà không có Thể dụng; tiếp từ “Giả linh...” trở xuống là trình bày về Dụng mà không thích hợp thì giống như không có Thể dụng. Văn phần đầu có thể hiểu được. Văn phần tiếp theo trình bày đầy đủ về tướng không có Thể dụng bốn Tất đàn, có thể phù hợp với căn cơ cho nên mới gọi là có thể Lợi tha. Thanh văn ví dù muốn lợi ích cho người khác mà sai lệch căn cơ cho nên không thể dụng, vì thế nói là Giả linh. Trong đó đầu tiên nêu ra Mãn Nguyệt cùng trình bày về sai lệch căn cơ; tiếp từ “Như Phú Lô Na...” trở xuống là dựa theo bốn Tất đàn, mỗi mỗi đều trước tiên nêu rõ những điểm sai lệch, tiếp đến kết luận không thể dụng. Văn phần đầu nói: “Như Phú Lô Na chín tuần giáo hóa ngoại đạo” giống như Chỉ Quán quyển thứ sáu có ghi, “Thân Tử sai lệch căn cơ” như Chỉ Quán quyển thứ bảy có ghi, “Ca Si Na” như Chỉ Quán quyển thứ chín có ghi. Như Thân Tử không độ người thêm phước, Luận nói: “Tỳ-kheo này đời trước làm loài cá thân dài bảy trăm do tuần, xưa kia đã từng nghe pháp tuy đọa vào trong loài cá mà chủng tử xưa kia hãy còn tồn tại. Thời ấy, có người chủ buôn dẫn những người buôn đi vào biển khơi thu thập vật báu, bỗng gặp dòng nước chảy xiết nên thuyền hướng về dãy núi trắng và trông thấy ba mặt trời đồng thời hiện rõ ra, liền thưa với Hải sư. Hải sư nói: Tai họa thay! Không phải là ba mặt trời, mà hai vầng sáng là mắt cá, một vầng sáng là mặt trời giữa hư không, dãy núi trắng là hàm răng cá, ắt phải đi vào bụng cá. Mọi người trong thuyền đều nói đến chuyện đã gặp phải, trong đó có một Ưu bà tắc xưng Nam Mô Phật, con cá nghe thấy danh hiệu Phật liền tự nghĩ rằng: Đây là đệ tử Phật, xưa kia mình cũng là đệ tử Phật. Ngay lúc ấy chịu chết ngậm miệng, dòng nước chảy liền rút lui. Cá vì thế bỏ mạng, gió thổi thổi cá lên bờ,

thần thức đầu thai gặp được Phật, Thân Tử và năm trăm Thanh văn đều không độ, Phật độ mà đắc quả, Đức Phật dạy đi dọc theo bờ biển trông thấy núi xương cao bảy trăm do tuần, phía Bắc của núi mặt trời không chiếu rọi đến được. Trở về thưa với Đức Phật, Đức Phật bảo rằng: “Đấy là xương của thân hình ông.”

Hỏi rằng: Thân cá dài bảy trăm do tuần, mà trông thấy núi xương cao bảy trăm do tuần, vì sao thân nhỏ mà núi xương lại lớn vậy?

Đáp: Hoặc là sợ rằng chữ viết sai, thích hợp là bảy chục mà thôi. Thầy thuốc lớn... ấy, Thân Tử là thầy thuốc lớn, năm trăm Thanh văn là thầy thuốc nhỏ. Bích chi Phật cũng như vậy, dựa vào lý độ không biết căn cơ thì biết rõ là không thể nào sử dụng bốn Tất đàn, tuy có Bộ giáo thực hành mà chỉ là tâm Bi, như Thân tử nói: Tôi không biết căn cơ nhưng vì thương xót mà thuyết pháp cho họ, có thể ví như Thanh văn biết vậy. Tiếp đến trình bày về Bồ tát Tam Tạng giáo chưa đạt được Diệt đế gọi là chưa đạt được một mà có đủ năng lực sử dụng bốn Tất đàn. Từ “Sở dĩ giả hà...” về sau là giải thích, không đoạn phiền não gọi là bậc thầy sai lầm, Bồ tát sáu Địa Thông giáo chưa khéo léo, cùng với La hán bằng nhau, tuy cũng thuyết pháp mà không có thể phù hợp căn cơ cho nên nói là chưa khéo léo. Thập Hồi hướng Biệt giáo đã tiến lên tu Trung đạo cho nên tương tự Trung đạo thì hoạt dụng đó hơn hẳn trước đây, từ Đăng Địa trở đi tùy ý vận dụng Chân Ứng.

Tám là trình bày về Quyền Thật: Trước là nêu ra; tiếp là giải thích. Trong phần giải thích có hai: Đầu là chính thức giải thích, sau là liệu giản. Trong phần chính thức giải thích, có hai: Một. Tiếp tục chỉ ra trước đây đối với Đế chưa phân định Quyền Thật cho nên nói là con đường chung; Hai. Trong phần chính thức giải thích, có hai: Đầu là bốn giáo, tiếp là năm vị. Văn phần đầu tự phân làm bốn, thứ nhất trong Tam Tạng giáo lại có bốn: Một. Dẫn Luận phân định tổng quát, nói là trong Thích Luận nói các kinh phần lớn giải thích về ba Tất đàn... thì đây là Đại - Tiểu tương đối mà nói, tức là chỉ cho kinh của Tam Tạng giáo là các kinh, Bát-nhã là Đệ nhất nghĩa, tất cả đều có ý đó; Hai. Từ “Tam Tạng...” trở xuống là nêu ra Thể của giáo quán, không phải không có Lý “không” nhưng không phải là Tức không cho nên nói là thiếu mà thôi; Ba. Từ “Tự Tam Tạng Bồ tát...” trở xuống tạm thời thừa nhận giáo này để luận về ba, bốn, nói là dựa theo ba Tất đàn để trình bày về bốn ấy là không những không có Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế mà cũng không có Chân đế Đệ nhất nghĩa đế, tạm thời dựa vào duyên chân thật điều phục trên phương diện phiền não mà nói thiết lập tên gọi Đệ nhất

nghĩa mà thôi, vì thế nói là dựa theo ba trình bày về bốn. Nhưng trình bày về bốn ấy là có thể vì người khác nói về bốn cho nên nói là trình bày về bốn, Tự hành chỉ đạt được ba mà thôi; Bốn. Từ “Tuy nhĩ...” trở xuống là chính thức phân định thuộc về Quyền. Tiếp đến trong Thông giáo cũng có bốn: Một. So sánh với trước thành lập tên gọi; Hai. Từ “Cố...” trở xuống là dẫn Luận chứng minh khéo léo, tạm thời dựa theo Tức không để trình bày Đệ nhất nghĩa; Ba. Từ “Tự Phật...” trở xuống là giáo này phân định về Tự chứng; Bốn. Từ “Nhi ước...” trở xuống là chính thức phân định thuộc về Quyền. Tiếp đến trong Biệt giáo có ba: Một. So sánh với trước; Hai. Từ “Nhi do...” trở xuống là hướng về sau; Ba. Từ “Giáo đạo...” trở xuống là chính thức phân định thuộc về Quyền. Tiếp đến trong Viên giáo có hai: Một. Cũng so sánh với trước; Hai. Từ “Cố tứ tất...” trở xuống là chính thức phân định thuộc về Diệu. Tiếp đến trong phần dựa theo năm vị có thể thấy. Tiếp theo trong phần liệu giản có năm lượt hỏi đáp. Trong lần hỏi thứ nhất: Bồ tát tuy đạt được bốn mà đây cũng là dựa theo ba luận về bốn như trước ư? Trong trả lời: Thông giáo đã không có nghĩa Trung đạo nên không có Đệ nhất nghĩa; Bồ tát Tam Tạng giáo không đoạn trừ Hoặc tức là nếu đem Nhị thừa hưởng về Thông giáo thì giống như đạt được bốn. Nói thuận theo Chứng thì bốn - thuận theo Giáo là Quyền mà không nói thuận theo Giáo là ba, ấy là Giáo đạo và Chứng đạo đều nói có bốn, chỉ vì Quyền Thật không giống nhau cho nên không nói là ba. Nếu chọn lấy Địa Tiên làm Giáo đạo, thì đã có nói dường như chọn lấy, nên biết là từ Sơ Địa trở đi, vẫn có nghĩa của Giáo đạo, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển thứ ba có ghi.

Chín là trong phần khai Hiển có hai: Một là nêu ra, hai là giải thích. Trong giải thích có hai: Trước là chính thức khai mở, tiếp là liệu giản. Đầu trong chính thức khai mở, có hai: Đầu là trình bày về ý thi thiết khai mở; tiếp là chính thức dựa theo bốn thời trước luận về khai mở để hội tụ vào Pháp Hoa. Văn phần đầu lại có ba: Một. Trình bày tất cả các pháp vốn là Thật; Hai. Từ “Đại Bi...” trở xuống là thi thiết Quyền; Ba. Từ “Kim khai...” trở xuống là khai mở Thật. Văn phần đầu là pháp đã vốn có thì Diệu - Tho bởi vì vật, tình, cho nên biết chỉ khai mở tình ý đó thì lý tự nhiên trở lại trạng thái vốn có. Trong phần thi thiết Quyền, có hai: Một. Chính thức thi thiết; Hai. Từ “Vô lượng nghĩa...” trở xuống là dẫn chứng. Ba từ “Kim khai...” trở xuống là chính thức khai mở, trong phần khai mở lại có hai: Đầu là dựa theo pháp cùng khai mở trình bày về chủ ý thi thiết giáo hóa, tiếp từ “Trừ diệt...” trở xuống là dựa vào Nhị thừa chất vấn khai mở để trình bày về tướng khai mở, vì thô đã chính là



Diệu, thì Hóa thành tức là Bảo Sở vậy. Tiếp theo từ “Nhược nhũ...” trở xuống chính thức dựa theo bốn thời trình bày về khai mở lại có hai: Đầu là chính thức khai mở; tiếp từ “Phương Đăng...” trở xuống trình bày về phạm vi khai mở. Trong vị Nhũ và Sanh Tô - Thục Tô thì Biệt giáo, bốn Tất đàn tuy có Đệ nhất nghĩa mà hoàn toàn dựa theo Giáo đạo, cho nên nói chỉ quyết định bốn Quyền - Sanh tô mười hai Quyền - Thục tô tám Quyền đều được đi vào Diệu. Trong Sanh tô - Thục tô quyết định Quyền dẫn chứng mà chỉ nói rằng một ngàn hai trăm La Hán và người quyết định rõ ràng pháp Thanh văn, trước đây chứng minh về giáo thuộc vị Nhũ đã dẫn ra Bồ tát, nghĩa Bồ tát như nhau văn không phức tạp cho nên không dẫn lại. Đã nói Bồ tát cũng loại trừ lưới nghi ngờ thì nghiệm biết Bồ tát cũng cần phải hội tụ cả ba loại. Phương Đăng - Bát-nhã đến nơi này, thì trong phần phạm vi khai mở cũng nên nói Hoa Nghiêm văn không nói ấy là lược bớt, nghiệm biết Viên giáo ba Bộ kia không khác gì Viên của Pháp Hoa, phân định Đốn giáo chỉ thuộc về Hoa Nghiêm, tin là vọng sinh ra điều thừa thải vô ích, hướng là pháp vốn Diệu ngăn cách bởi vật và tình, Pháp Hoa đã khai mở trái lại hạ thấp xuống làm thành Tiệm giáo ư? Mười cảnh Như Thật Diệu nhưng lại là thô, tri kiến của Phật hạ xuống quy về Bồ tát, mười ví dụ trong phẩm Dược Vương ca ngợi giáo pháp bậc Thánh thuyết ra trở thành trống rỗng, ba đời Pháp Sư so sánh tất cả là không thật có, phân thân Phật hội tụ Bảo tháp hiện ra giữa hư không, chỉ là quay lại dùng lễ tiết chứng minh đây là Tiệm giáo. Tương đồng - dị không thể nào luận bàn hết được, giáo môn một tông phái đủ để có thể tìm tòi thu nhận, như thế nào là chỉ có đưa ra điểm kỳ lạ của Diệu Kinh này? Tiếp đến trong phần liệu giản hỏi từ “chỗ quyết định về các Quyền - Tất đàn đến... không như vậy”, ý câu hỏi là nếu quyết định Thô phù hợp với Diệu thì quyết định các Thô của bốn Tất đàn cùng phù hợp với Diệu của Đệ nhất nghĩa Tất đàn, hay là tự quyết định thế giới phù hợp với thế giới, cho đến quyết định Đệ nhất nghĩa phù hợp với Đệ nhất nghĩa chăng? Nói là không như vậy, ấy là nếu không như vậy thì trở thành như ý sau chăng? Cũng có bản nói là “thích hợp như vậy chăng” cho e rằng người ta thay đổi sai lạc mà thôi! Ý trả lời thì hai ý đều thông suốt cho nên nói là tự tại. Nói rằng giả như khiến cho thì giống như ý hỏi thứ nhất: Cho dù tất cả phù hợp với Diệu của Đệ nhất nghĩa, mà Diệu của Đệ nhất nghĩa đã không ngăn cách ba cùng với nghĩa thứ hai cũng nào khác biệt, cho nên nói một, ba tự tại. Nay văn tạm thời đưa ra một cách giải thích ấy là thuận theo ý thứ hai để hướng về lần lượt khai mở danh nghĩa của năm chương. Nếu như chỉ

phù hợp với Đệ nhất nghĩa nhưng có thể phù hợp với Thế thì thiếu các nghĩa khác. Từ “Nhược quyết...” trở xuống là dùng ý thứ hai để phân tích phù hợp với tất cả. Thứ nhất trong thế giới, có hai: Đầu là chính thức kết hợp, tiếp đến từ “Diệc thị...” trở xuống là nêu ra tướng. Hội tụ đưa vào thế giới chỉ là các pháp, quyết định các pháp thô ấy cùng phù hợp với pháp Diệu này cho nên thành tựu tên gọi là Diệu. Tiếp là nêu ra tướng trong phần hội tụ đưa vào, có hai: Một. Dựa theo pháp nói đầy đủ các ý; Hai. Ví dụ nói đầy đủ các ý. Đầu là trong Pháp thuyết có bảy phương tiện cùng thành tựu Phật thừa. Trong phần Thí thuyết thì tên gọi của Nhị thừa cùng xưng là Bồ tát, sở hành của mọi người là Bồ tát đạo, sở hành đã trở thành đạo của Bồ tát, thì người thực hành lẽ nào cứ mãi gọi là Nhị thừa hay sao? Tiếp đến trong phần quyết định Đệ nhất nghĩa dùng nghĩa bốn Tất đàn tùy theo năm chương, do đó Đệ nhất nghĩa đặt ở kế tiếp. Tri kiến của Phật và cùng đến Bảo Sở, hoàn toàn thuộc về Lý vốn có. Tiếp theo trong phần hội tụ với Vị nhân, dẫn chứng nói là dùng ngọc quý này để sử dụng, trao đổi những thứ cần thiết ấy, là trong giáo phương tiện thì pháp có hạn lượng, chẳng phải Tức, chẳng phải Diệu, vì vậy gian nan giống như thường xuyên gắng sức tìm cầu, Thật Lý không cạn, nghi ngờ trừ sạch, niềm tin đầy đủ giống như ngọc quý vô giá, trao đổi vật dùng không bao giờ hết, cuối cùng trừ bỏ nghèo khổ chẳng gì bằng như ý muốn. Những vị thuốc tốt này... suy nghĩ có thể biết rõ, vì vậy trao đổi chữa khỏi bệnh Thô, hoàn toàn là biệt danh của Đối trị. Trong này phân định về giáo để phân rõ đồng - dị vốn là hiển bày ở tại sự giống nhau, bởi vì trong Bốn môn và Tích môn trước đây chưa nói đến, do đó nay khai mở và phết bỏ không có pháp nào không nghe được.

Mười là Thông Kinh ấy lại có hai: Đầu là hỏi, tiếp là trả lời. Trong trả lời có hai: Trước là tổng quát nêu ra, tiếp là tách biệt giải thích. Trong phần giải thích: Trước là giải thích, tiếp là kết luận. Trong giải thích có hai: Trước là Tích, tiếp là Bản. Trong Tích có hai: Trước nêu ra Kinh, tiếp đến giải thích. Văn phần Bản cũng như vậy. Tích và Bản đầy đủ, dùng tánh làm sanh thiện, bởi vì thiện tánh thuộc về trước, đều dùng Tiến lực và Hành làm Đối trị, đồng thời nêu ra chủ thể thực hành đối trị vậy. Cần nêu ra người chủ động giác ngộ, Tướng nêu ra tâm của chủ thể nhìn thấy, ở đây có phần sai khác mà thôi. Trước kia cùng có bốn Tất đàn, từ “Lưỡng xứ...” trở xuống là kết luận có thể biết.

Tiếp theo phần thứ hai, tách biệt giải thích thì đầu là sơ lược nêu lại năm chương trước đã nêu ra hết. Nay trong năm chương đầu là mở

rộng giải thích tên gọi, trong đó có hai: Một là khai mở chương mục; hai là giải thích. Trong giải thích tự phân làm bốn: Thứ nhất giải thích trong phần đầu phân thành ba: Một. Tự thiết lập đối với kinh này; Hai. Từ “Lập thử...” trở xuống trình bày về ý thành lập tên gọi; Ba. Từ “Vấn...” trở xuống là liệu giải. Văn phần đầu, tuy ở kinh này và kinh khác so sánh phân rõ không thể không có Thông - Biệt, mà dường như nghĩa về tên gọi của Diệu Pháp Liên Hoa đều khác với kinh khác. Một chữ Kinh thì tên gọi giống với kinh khác mà nghĩa lại khác với kinh khác, nay thuận theo tên gọi chung cho nên nói là Thông mà thôi. Tiếp là ý thành lập tên gọi, vì duyên cớ nào mà thành lập tên gọi kinh này? Tên gọi đã bao gồm một Bộ, ý một Bộ, ý một Bộ không vượt qua ba, cho nên tên gọi đã Thông - Biệt không giống nhau thì ba ý cũng thuận theo gọi là Thông - Biệt, do đó giải thích ba ý này, thô - diệu xét kỹ để phân biệt, giáo - hành - lý khác nhau, giải thích thông biệt khác nhau. Nay giải thích ba ý này lại phân thành bốn ý: Một. Nêu ra; Hai. Xếp vào; Ba. Giải thích; bốn. Kết luận. Hai phần đầu giống như văn. Ba trong phần giải thích, có hai: Trước là tất cả giải thích Thông - Biệt, tiếp là tách biệt giải thích Thông - Biệt. Thông nghĩa là nối thông với Giáo - Hành - Lý của các kinh, Biệt nghĩa là tách biệt thuộc về giáo của Viên thuyên. Đầu là trong phần giải thích về Thông, có hai: Trước là sơ lược, sau là mở rộng. Thứ nhất là sơ lược, đằng sau các tên gọi của Thánh giáo suốt một thời đại, không có tên gọi nào không đầy đủ ba điều kiện về giáo - hành và lý này, không có giáo nào không lấy Biệt mà kết hợp với Thông, không có giáo nào không lấy Thông mà thuận theo Biệt, cho nên trong ba điều kiện này thâm nhiếp tất cả Phật pháp, do đó Giáo thì cơ, ứng trái ngược nhau, Hành thì nhân - quả trái ngược nhau, Lý thì Quyền - Thật trái ngược nhau, cũng chính là Sự - Lý trái ngược nhau. Nếu như không có ba cặp này thì Thông - Biệt không có tác dụng gì. Tiếp là trong phần giải thích mở rộng tự phân thành ba: Đầu trong phần dựa theo Giáo có hai: Giải thích và kết luận, trong giải thích có hai: Trước trình bày về Biệt; tiếp từ “Kim khẩu...” trở xuống là Thông. Tiếp từ “Cố thông...” trở xuống là kết luận. Tiếp đến trong phần dựa theo Hành cũng có hai: Giải thích và kết luận, trong giải thích có hai: Đầu là Biệt; tiếp từ “Đại Luận...” trở xuống là dẫn Tiểu để ví dụ. Trong phần Biệt lại có hai: Trước là thiết lập, sau là dẫn chứng; cùng là dựa theo Thông luận về Biệt và thuận theo Biệt để trình bày về Biệt, như nói pháp bảo tức là Thông, nhiều loại nên là Biệt. Tiếp trong phần dẫn chứng trước tiên dựa vào Tiểu, tất cả các giáo thuyết tức là Biệt, toàn là

chính đáng cho nên Thông. Nói là tất cả đều nói về nhân của thân ấy, kinh Niết-bàn quyển ba mươi hai trong phần giải thích về “tùy tự ý ngữ” nói: “Như năm trăm Tỳ-kheo hỏi Thân Tử rằng: Đức Phật thuyết về nhân của thân ấy là gì vậy? Thân Tử đáp rằng: Các ông cũng đều là những người đạt được Giải thoát chính đáng thì tự mình nên biết điều ấy, vì cố gì lại còn khởi lên lời hỏi như vậy? Có Tỳ-kheo nói: Lúc chúng tôi chưa được Giải thoát đích thực, ý nói là vô minh chính là nhân của thân, lúc thực hành pháp quán này đạt được quả vị A-la-hán. Có người nói: Ái hữu thuyết hành cho đến ăn uống cùng năm thứ dục. Năm trăm Tỳ-kheo như vậy tất cả đều nói những gì mình đã hiểu, cùng nhau đến nơi Phật cúi đầu lạy dưới chân Phật rồi vòng quanh phía phải mà ngồi, tất cả nói là đã hiểu rõ. Thân Tử nói: Ai là người nói hợp với lẽ phải? Đức Phật bảo: Không có người nào không phải là người nói hợp với lẽ phải”. Tiếp trong phần dựa vào Đại thì tất cả hội nhập cho nên Biệt, không là hai cho nên Thông. Ba mươi hai vị Bồ tát đi vào pháp môn Bất Nhị ấy, đã có pháp môn có thể đi vào, thì pháp môn đều hướng đến Lý. Theo ví dụ năm trăm Tỳ-kheo thì ba mươi hai Bồ tát cũng đều là nói hợp với lẽ phải. Đây là nêu ra Hành có thể hướng đến của Đại thừa và Tiểu thừa. Tiếp trong phần ví dụ không thể đạt được tức là Lý vậy. Nêu ra kém so sánh với hơn, quán sát hơi thở hãy còn chính là Lý hướng là Hành có thể hướng đến của Đại thừa và Tiểu thừa ư? Từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận lại có hai: Trước là kết luận, tiếp là dẫn chứng. Tiếp trong phần Lý có ba: Một. Thiết lập; Hai. Dẫn chứng; Ba. Kết luận. Văn phần đầu không hai nên là Thông, chẳng phải một nên là Biệt. Trong dẫn chứng có hai văn ví dụ, thiết lập có thể biết. Trước dẫn ra Đại Luận, tiếp đến dẫn trong Đại Kinh. Nói là Giải thoát cũng như vậy. Phần nhiều các tên gọi ấy là Đại sư ở chùa Linh Thạch trong một mùa Hạ giải thích trăm câu về Giải thoát, cứ mỗi một câu làm thành trăm câu giải thích, vậy thì Giải thoát có cả vạn tên gọi. Giống như Thiên Đế Thích có ngàn loại tên gọi ấy, cũng gọi là Kiều thi ca, cũng gọi là Bà-sa-bà, cũng gọi là Ba-khư-bà, cũng gọi là Nhân-đà-la, cũng gọi là Bảo Tràng... Từ “Danh dị...” trở xuống là kết luận, tên gọi khác nhau cho nên Biệt, lễ nghi như nhau cho nên Thông. Trong Biệt nói là nay xưng... ấy, bởi vì Diệu Pháp thì phân biệt khác với các kinh khác. Kinh tức là Thông bởi vì tên gọi tất cả các kinh. Do đó biết rằng kinh này Thông - Biệt bắt đầu từ Như Thị cuối cùng ở Nhi Thối, hẳn là Phật thuyết đều là Diệu Pháp, từ đầu đến cuối đều là Biệt và Thông. Từ trong giáo Thông - Biệt này giải thích về Hành - Lý Thông Biệt, vì thế

biết rằng Bốn - Tích đều là nhân quả và Quyền - Thật. Không thể dẫn ra đầy đủ cho nên sơ lược nêu ra phương hướng góc cạnh, thô dẫn thí dụ để nêu ra Thông - Biệt của Hành, và trong phương tiện thì Thật Tướng cùng là Lý Thông - Biệt. Trong thí dụ thì các con bởi vì thói quen không giống nhau tức là Hành Biệt, cùng ban cho xe lớn đi thẳng đến đạo, cho đến tên gọi của Đại Tuệ cũng là tên gọi tách biệt, mỗi một biệt danh đều thuận theo Lý mà thiết lập tức là Lý Thông. Đây là lý Thông Biệt của kinh này. Từ “Cụ như...” trở xuống trong phần giải thích lại mở rộng trình bày điều này. Bốn từ “Ước thử...” trở xuống là kết luận. Tiếp trong phần liệu giản: Trước là hỏi, tiếp là trả lời. Trong phần hỏi sở dĩ chỉ hỏi về Giáo, ấy là ba điều kiện về Giáo - Hành và Lý lần lượt nối thông với nhau, Giáo đã ở đầu tiên thì chỉ thuận theo Giáo mà hỏi, hai loại còn lại căn cứ theo Giáo tự nhiên hiển bày. Đầu là mở rộng và sơ lược giải thích chung tất cả các giáo, vì vậy tất cả lấy một Phật làm Thông. Nay thì tách rời làm bốn vị Phật khác nhau, Phật và Phật tự nhiên có các pháp cũng khác nhau. Từ “Vấn hà...” trở xuống là chất vấn, dùng pháp thông thường trước đây để chất vấn về bốn khác biệt này. Tiếp là ý trong phần trả lời, tức là có đủ hai nghĩa Đương phần - Khoa tiết, cần phải biết rằng hai nghĩa này cùng với Diệu Tướng đái và Diệu Tuyệt đái không khác nhau. Nhưng hai cách giải thích trước đây cũng có đủ hai nghĩa, tại sao? Nếu dựa vào thi thiết Quyền thì chính là nghĩa Đương phần, nếu dựa vào ý Phật thì tất là nghĩa Khoa tiết, (nhảy vọt, bỏ qua) tuy có đủ hai nghĩa nhưng không bàn đến ý đó mà dùng ý này giải thích rộng ra. Lại không xét kỹ và so sánh hai phạm vi, ý đó dùng thông suốt, mà chưa khai mở hiển bày rõ ràng, bởi vì nghĩa này cho nên cần phải phân thành hai nghĩa để trả lời. Đương phần nối thông cả một thời đại, đến nay thì trở thành Tương đái; Khoa tiết chỉ thuộc về kinh này bởi vì ý Phật không thích hợp với thời đại bây giờ. Giải thích hai nghĩa này, trước là nêu ra, tiếp là xếp vào, thứ ba là giải thích. Trong phần giải thích trước là Đương phần, tiếp là Khoa tiết, tất cả đều dựa theo ba loại Giáo - Hành và Lý. Thứ nhất là Đương phần thuận theo ý hỏi trước đây để hiển bày, Khoa tiết tức dùng Đương phần để chất vấn, bốn giáo Đương phần đều có đầy đủ ba ý, trong đó trước là chính thức giải thích – tiếp là dung hợp không thể tức liền đầy đủ, do đó cùng với nghĩa sau đều thiết lập chất vấn trao đổi. Văn phần đầu là Tam Tạng mở rộng giáo dụ còn lại y theo như đây. Đầu là trong Tam Tạng có ba: Một. Chính thức giải thích về tướng; Hai. Từ “Kinh ngôn...” trở xuống là dẫn chứng; Ba. Từ “Thử đắc...” trở xuống trình bày về ý Đương phần. Văn

phần đầu có thể thấy. Trong phần dẫn chứng nói lập tức cỡi chuỗi anh lạc... ấy, Báo thân bốn mươi một địa vị, giới định tuệ Đà la ni dùng làm chuỗi anh lạc, tịch diệt Nhẫn làm y phục mềm mại thượng hạng Đại-Tiểu tướng hải làm đồ dùng trang sức, tướng tốt trượng sáu là thô thiển, Sanh Không - Pháp Không là xấu rách, hiện có phiền não, hữu vi, hữu lậu là bụi bám nơi thân, thật sự không có sanh tử phiền não mà tựa như có sanh tử phiền não là trạng thái phát sinh những sợ hãi. Như phẩm Vô Úy trong Thành Thật Luận nói: “Như kinh nói: Thiện lai Tỳ-kheo tùy thuận pháp Ta, Ta là người hoan hỷ. Đây là hình như có Tham. Như nói với Điều Đạt: Ông là người ngu si, người ăn nước mũi nước miếng. Đây là hình như có sân. Tự nói rằng: Ta là Sư tử giữa loài người. Đây là tựa như có Mạn. Khéo giữ pháp Ta giống như bưng bát dầu. Lại như nói với Điều Đạt rằng: Ta hãy còn không lấy pháp giao cho Xá-lợi-phất, huống là chịu giao cho ông ư? Đây là hình như có Kiến”. Trong văn chỉ sơ lược nêu ra một câu về áo quần dơ bẩn mà thôi. Nói năng cần mẫn làm việc... ấy, chính là Tiểu thừa, bảy Khoa đạo phẩm tức là pháp khí trừ bỏ phần như kiến tư. Nói năng chính là Niệm xứ, cần mẫn làm việc chính là Chánh Cần, quát tháo những người đàn ông tức là Như Ý, thích làm theo ý mình tức là Ngũ Căn, tại vì sao như vậy... tức là Ngũ Lực, lại cùng với chữ Tác chính là Bát Chánh, tuy mừng gặp điều như vậy tức là Thất giáo, nên tăng thêm giá cả cho ông tức là Noãn Pháp. Không có năng lực phát khởi Chân Như mà ý có thể biểu lộ cho nên nói là tăng thêm giá cả. Nay văn rất sơ lược, nói xoa dầu vào chân ấy là trong văn kệ phần sau đạt được pháp quán Như Ý Túc. Như dầu xoa chân thì có thể đi trên nước, có thể đạt được thân thông. Nhưng dầu có thể loại trừ gió độc, như Định trừ diệt tán loạn. Rộng ra như phẩm Tín Giải sơ thích, ở đây thì chỉ ví dụ Tam Tạng nói về Giáo - Hành - Lý có thể biết. Tiếp theo trong ba giáo còn lại nói Y theo đây tức Thông - Biệt - Viên cũng như vậy, là đầy đủ như trong phần quả Diệu của Bốn môn ở sau giải thích về bốn loại thân tướng khác nhau, dung hội có thể biết. Tiếp đến trong phần Khoa tiết, có bốn: Một. Mở rộng đương phần; Hai. Từ “Nhược khai...” trở xuống là thiết lập tướng của Khoa tiết; Ba. Từ “Như thử...” trở xuống là ý kết luận; Bốn. Từ “Tác như thử...” trở xuống là dung hợp. Văn phần đầu lại có hai: Đầu là chính thức mở rộng, tiếp từ “Chỉ ẩn...” trở xuống là trình bày ý của Đương phần. Thiết lập Đương phần là để thi thiết Quyền xong. Quyền thật tương đối cho nên có bốn chủ, mỗi mỗi khác nhau. Vì vậy nói ý là không có Đương phần riêng biệt, chỉ là ẩn kín Thật, thi thiết Quyền mà lại nói là Đương phần. Từ đầu đến



“Kim huy” là hiện bày thân tướng Đương phần vậy. Từ “Bất thuyết...” trở xuống là thuyết về pháp Đương phần vậy. Sơ lược nói về Thân Pháp, hai pháp còn lại lược bớt không nói đến. Không nói về vị ngọt ngào của Thường Lạc mà nói đến vị chua cay mặn đắng của Vô Thường, trong Đại Kinh quyển thứ bốn nói: “Khổ là vị chua, Vô Thường vị mặn, Vô Ngã vị đắng, Lạc là vị ngọt, Ngã là vị cay, Thường là vị nhạt, Phiền não là củi, Trí tuệ là lửa, lấy nhân duyên này làm thành món ăn Niết-bàn”. Phá bỏ ba tu kia cho nên chỉ còn ba vị, hơn thua đối lập với nhau cho nên thành ra sáu vị, do đó lược bớt không nói đến Tịnh và Bất Tịnh. Nay vẫn thuận theo thua kém cho nên nói là không nói về vị ngọt ngào của Thường Lạc... Từ bỏ y phục trang sức của hàng Đế Vương là trở lại nói về ẩn kín Diệu, hiện rõ Thô, cũng cùng với trước đây ẩn kín công đức hiện thân tượng sáu như nhau. Giống như đứa con nghèo khốn gặp mặt người cha hào quý tôn nghiêm... Vô lượng công đức, xâu chuỗi ngọc trang nghiêm là những đồ dùng phục sức của hàng Đế Vương, nên biết rằng chỉ là một loại thân khẩu Hành, Lý càng không có pháp nào sai khác. Nay từ bỏ những đồ dùng phục sức này chính là nghĩa của Đương phần: là ý thi thiết Quyên. Nói đồ đựng phân ấy chính là Đạo phẩm sanh diệt. Từ “Nhược khai phương tiện...” trở xuống là trình bày tướng của Khoa tiết, đây là câu khai mở tổng quát, chính là hướng về thân, hướng về pháp, hướng về hạnh... ấy là chỉ về phương tiện thân khẩu Hành, Lý... trước đây. Ba là trong phần ý kết luận trải qua ba ý kết luận. Ban đầu nói Thông là giáo của Nhất âm, mà Đại - Tiểu sai biệt ấy, nay chính là Nhất âm Khoa Tiết của Pháp Hoa không giống như Nhất âm Đương Phần của Tiểu thừa, đây đủ như trong Chỉ Quán quyển thứ nhất có ghi, cho nên dựa vào Bà sa Luận chỉ có Nhất âm Phật của Tam Tạng giáo mà thôi. Theo ví dụ về Thông - Biệt, đều cần phải có Nhất âm Đương Phần. Trong nghĩa Đương phần trước đây phân thành bốn giáo Chủ, tất cả đều có Lý. Thể của sở thuyết, sở hành cho nên nghĩa dễ dàng hiểu được. Lý không có nhiều loại, tại sao bốn Hóa đều có Sở thuyết? Sở thuyết khác nhau vốn là Lý không thuận theo khác nhau cho nên nói là khó dung hợp. Trong nghĩa Khoa tiết không phân biệt bốn giáo, tất cả tách biệt giải thích về Lý cho nên nói là dễ dàng sáng tỏ. Các kinh đã thuyết về nhân quả đều khác biệt, nay vượt qua nghĩa khác biệt ấy, chỉ luận về Nhất Lý cho nên khó hiểu rõ về nhau. Nếu hai nghĩa tác thành lẫn nhau thì Lý, Tướng đều dễ hiểu. Nếu hai nghĩa ngăn cách vượt quá thì cả hai đều khó sáng tỏ. Vì vậy hai nghĩa cần lẫn nhau. Đương phần chính là thành tựu ở nghĩa Tương đãi của kinh này, Khoa

tiết chính thành tựu nghĩa khai Quyền của kinh này. Vả lại, nếu như Phương Đăng - Bát-nhã và Hoa Nghiêm cùng nghĩa Đương phần thì vẫn là thi thiết Quyền. Nếu như đến Pháp Hoa, nghĩa Đương phần trở thành phân định Quyền - Thật, phân định rồi lập tức phế bỏ, phế bỏ rồi lập tức khai mở, khai mở và phế bỏ ngay trong nhau không thể nào khác thời được. Hai là trong phần phân định Diệu pháp trước sau, có bốn: Một, Nêu ra; Hai. Từ “Nhược tòng nghĩa...” trở xuống là phân rõ trước sau; Ba. Từ “Tùng Kim đề...” trở xuống là chính thức trình bày về ý này; Bốn. Từ “Tuy phục...” trở xuống là dung thông hai phạm vi. Phần đầu như văn. Văn phần hai, thuận theo nghĩa, thuận theo tên gọi thì tất cả đều có sự tinh tế của mỗi loại. Trong phần thuận theo nghĩa thì trước là thiết lập, tiếp là dẫn chứng. Trong phần thuận theo tên gọi cũng trước là thiết lập, tiếp là dẫn Sự. Trong phần dẫn Sự, có hai: Trước là chứng minh thuận theo tên gọi, tiếp từ “Đốc luận...” trở xuống là trở lại thuận theo nghĩa. Nói là Đốc ấy, là như vậy xưa nay rất kiên cố. Lão Tử nói: “Giữ yên bất động gọi là Đốc, Đốc là trình chánh vậy”. Ba là trình bày về ý này, nên biết rằng tên gọi đầu đề cần phải thuận theo tên gọi tiện lợi, cho nên trước là Diệu, tiếp là Pháp đã giống như trong đầu đề; nay muốn giải thích nghĩa cho nên cần phải thuận theo nghĩa. Từ “Sở dĩ...” trở xuống trong phần chính thức giải thích trước là Pháp, tiếp là Diệu. Bốn là phần dung thông, chỉ duyên với trước sau không trái ngược, vì thế trong phần giải thích thì thuận theo nghĩa tiện lợi, cho nên biết trước sau hoàn toàn không trái với Lý. Trong phần giải thích cũ, có hai: Đầu là đưa ra các Sự, tiếp là người thời nay chất vấn. Trong văn phần đầu ba Sự trước thì Đại sư không phá, vì văn dưới nói những người khác là hưởng về gió (xua theo). Nếu muốn biết nhiều về được mất ấy, thì noi theo ý Quang Trạch, tuy không có phá nhưng không phải không thể loại trừ. Như trong Đạo Tràng Quán nói: “Ba chẳng phải chân thật, không biết ba giáo nào là chẳng phải chân thật? Đã không biết ngoài ba còn có Bồ tát, quy về một cùng với Vô thượng hiển bày Diệu chưa sáng tỏ. Nếu dẫn kinh này để chứng minh về Diệu thì Lý có thể là như vậy, nhưng nếu như đã dẫn chứng mà không có Diệu đáng luận bàn, thì còn lại đều không rõ ràng. Vô thượng vốn là Diệu, dẫn kinh là Thừa vi diệu, thanh tịnh đệ nhất, đầy đủ nên nói là đối với các pháp thế gian thì không có pháp nào cao hơn. Có bản không có câu thứ ba, và hai câu trước mới có thể chứng minh Vô thượng mới chính là Diệu vậy”. Lại nói dựa vào ngôn từ bàn luận đối với những cảnh tượng bên ngoài, ý nói là Diệu Lý vô hình ngôn từ bàn luận nhờ vào tướng trạng, nhờ vào cảnh tượng hữu

hình và ngôn từ để bàn luận trạng thái bên ngoài, trạng thái bên ngoài là Diệu, có hình thể rõ ràng là thô, nhưng lý của trạng thái bên ngoài thì tinh, thô đều mất, bởi vì không còn tinh, thô cho nên gọi là Diệu. Cũng không biết trạng thái bên ngoài bật dứt tất cả tinh, thô thì đạt đến nơi nào? Do đó dẫn văn kinh để chứng minh nghĩa ấy cũng giống như trước. Hội Khế Cơ tức là Pháp Hoa tự cơ vậy. Nói là Biểu Đồng ấy là không biết xưa kia ba giáo nào là bề ngoài khác nhau, kết hợp với giáo nào khiến cho giống nhau, cũng không biết chỉ về giáo nào là ba nhân tố xưa kia, vì thế cũng khiến cho Diệu không thành tựu được. Ba Sư vùng phía Bắc, ý thú cũng như vậy. Cả ba Sư đồng thời không ra ngoài cách nhìn của Quang Trạch cho nên nói là (xua theo), giống như xuôi theo gió phá tan trận chiến, trận đầu tiên đã phá tan thì những trận còn lại xua theo tự nhiên tan tác. Tiếp đến là Sư Quang Trạch đã cảm được hoa Trời mà Chí Công hãy còn nói là con bọ chét cắn (Nghiết tảo). Vũ Đế muốn cầu mưa, đến hỏi Chí Công, Chí Công nói mây có thể gây nên mưa, liền thỉnh Vân Công giảng kinh Pháp Hoa, đến lúc mưa tuôn khắp nơi, bốn phương đều đổ mưa liên đũ. Còn trước khi Vân Pháp Sư chưa sinh ra, có người nhật được Pháp Hoa Sớ từ trong nước có ghi rằng: Nhờ mang lại cho Vân Pháp Sư. Rộng ra như trong Biệt Truyện. Sự cảm ứng như thế hãy còn không xứng lý hưởng là người khác ư? Nghiệm đúng Linh Sơn tự mình kế thừa Lý không có gì sai lầm, nhưng ba Sư hơi giống Quang Trạch mà không bằng Bồ tát Quang Trạch sử dụng ba tăng kỳ, vì vậy biết Quang Trạch có ba giáo có thể kết tụ nhưng không có một giáo có thể quy về. Không có một giáo có thể quy về cho nên phá hỏng không thể thành Diệu. Chỉ về xưa kia thông suốt khắp nơi cho nên phá bỏ thô chẳng phải thô. Vì lẽ đó dẫn đến hai mươi bốn chất vấn thật là có nguyên cơ vậy. Trong đó trước tiên tổng quát thiết lập, tiếp là giải thích rộng ra. Trong phần giải thích: Trước là giải thích nhân quả ngày xưa đều có ba thô, tiếp là giải thích nhân quả ngày nay đều có ba Diệu. Văn phần đầu thì trước là nhân, sau là quả. Đầu là trong nhân: Trước nêu ra, tiếp là giải thích, tiếp sau là kết luận. Phần đầu như văn. Trong phần giải thích Thể thì nêu ra đầy đủ địa vị ba Thừa, Dụng thì chỉ nêu ra Bồ tát ấy là nêu ra đầy đủ hơn, kém. Bởi vì ba kỳ Bồ tát không đoạn Hoặc nhân cùng với địa vị phạm phu Nhị thừa hình như giống nhau cho nên gọi là Nhân tố như nhau, cùng là ban đầu trình bày về các Đế làm Thể. Trong địa vị nói Vô Ngại thứ chín ấy là trong ba kỳ luôn luôn điều phục Hoặc cho đến Phi Tướng phẩm thứ chín cùng điều phục mà chưa đoạn, địa vị chưa ra khỏi tam giới mà lại còn biến dịch cho nên gọi là

dưới thấp; hoạt dụng kém cõi có thể biết. Nên biết rằng địa vị và hoạt dụng của Nhị thừa thấp kém dựa vào đây có thể biết. Quả ngày xưa có ba nghĩa: Một. Nêu ra rõ ràng; Hai. Giải thích; Ba. Kết luận. Trong phần giải thích về Thể ấy cho dù đến Phật quả, cũng chỉ là hữu dư - vô dư cho nên cùng với Nhị thừa thì Thể ấy là hẹp, Phật quả cũng cùng phần vị thuộc về Hóa Thành, Phật quả cũng giống như chỉ trừ diệt bốn trú, đồng thời về sau trở lại giải thích về Dụng mà thôi. Tám mươi ấy là dùng ý Thọ Lượng để mở rộng về quả xưa kia, lúc xưa thực hành Bồ tát đạo đã thành tựu thọ mạng là trước kia vượt quá hằng sa, nay hãy còn chưa hết lại gấp bội số trước gọi đó là sau Phật tám mươi năm không có thọ mạng này cho nên gọi là Đoản. Tiếp đến trình bày về nhân quả ngày nay đều có ba nghĩa, phân làm hai: Trước là giải thích, tiếp là kết luận. Trong phần giải thích có hai: Trước là nhân, sau là quả. Trong phần nhân, có ba: Nêu ra, Giải thích và kết luận. Trong phần giải thích nói là ở ngoài tam giới thực hành Bồ tát đạo, nếu là Tự hành thì cần phải ở ngoài tam giới, nếu gồm cả Hóa tha thì tự tại thọ sanh. Tiếp theo trong phần quả cũng có ba: Một. Nêu ra rõ ràng; Hai. Giải thích; Ba. Kết luận. Nói là thần thông ấy thì ở nhân lấy điều phục đoạn trừ làm Dụng, ở quả thì lấy lợi ích cho vật làm Dụng. Ý của Quang Trạch lấy phẩm Thọ Lượng làm thần thông kéo dài thọ mạng lợi ích cho chúng sanh. Từ “Kim quả...” trở xuống là tổng kết. Tiếp theo từ “Kim cổ...” trở xuống là trong phần phá bỏ, có ba: Một. Nêu ra chất vấn ví dụ dễ dàng; Hai. Từ “Nhân Thể...” trở xuống là chính thức phá bỏ; Ba. Từ “Bỉ tác...” trở xuống là kết luận thành xu thế chất vấn. Trong văn phần đầu nói Nam Phương ấy là Nam triều tức là Giang Đông. Xưa nói chung là Nam Triều, sau phân thành hai Đạo cho nên nói là Giang Đông. Kế thừa Triệu - Thập ấy là chọn lấy lời nói thuận tiện mà thôi. Quan Trung Tứ Tử tức là Đạo Sanh - Tăng Triệu - Đạo Dung - Tăng Duệ, người đời sau nói theo dùng nghĩa của Tứ Tử cho nên người đương thời nói rằng: Sanh Triệu phát Thiên Chân. Nếu như dùng ý này hướng về thì phần nhiều dựa vào nơi Thông. Không cần phải hoàn toàn đúng cho nên nói là phần nhiều dựa vào. Dựa vào có nghĩa là tiếp cận dựa theo. Quang Trạch cũng dựa theo Tăng Triệu và La Thập cho nên nói là “đâu có xa?” Người đương thời cho rằng Quang Trạch đạt được ý chỉ cho nên áp chế nói rằng không cách xa, trước là chất vấn phá bỏ những ý chỉ đạt được của Quang Trạch, những người khác dễ dàng tự mình hiểu. Tiếp theo trong phần chính thức phá bỏ, có hai: Trước là nhân, tiếp là quả. Trong nhân có ba đồng đó là Thể - Vị và Dụng, mỗi một tầng đều dùng sự khai

mở hiển bày về bốn nhất để chất vấn. Đầu tiên trong phần phá bỏ Thể của nhân, trước là ý trách chung Quang Trạch, xưa nói là thông suốt khắp nơi lại thừa nhận rộng rãi cho nên nói là có thể như vậy. Từ “Hà giả...” trở xuống trong phần chính thức phá bỏ, có ba: Một. Nêu ra xưa có bốn nhất; Hai. Nêu ra nay không có bốn nhất; Ba. Kết thúc chất vấn. Trong phần đầu về xưa, có hai: Trước nêu ra, tiếp kết luận. Văn phần đầu, Bát-nhã nêu ra Thừa, Thừa tức là Giáo cho nên nói là Vận Tải. Đã nói tất cả không gì không phải Biến hành và pháp giới... nên biết rằng Thể rất rộng lớn, Bát-nhã có một Phật Thừa tức là Giáo Nhất, Tư Ích có Đại Hạnh của Bồ tát tức là Hành Nhất, Hoa Nghiêm có hàng Bồ tát vì khai mở tri kiến Phật mà tu hành giáo pháp tức là Nhân Nhất, Tịnh Danh có một Lý về Thật Tướng các pháp tức là Lý Nhất. Từ “Tích nhân như thử...” trở xuống là kết luận. Từ “Nhược ngôn...” trở xuống là vận hỏi kinh này không có bốn, lại có hai: Trước là nêu ra, tiếp giải thích. Trong phần nêu ra hoàn toàn là ý chú giải của Quang Trạch xuống phía dưới là ví dụ biết rõ. Từ “Đương tri...” trở xuống là xu thế chất vấn, vẫn dùng nghĩa ấy mà chất vấn đối với điều ấy. Tiếp theo trong phần chất vấn về vị, có bốn: Một. Ý hướng đến; Hai. Nêu ra; Ba. Giải thích; Bốn. Kết luận. Hai phần đầu có thể biết. Trong phần xưa cũng trước là giải thích, sau là kết luận. Trong giải thích, văn phần đầu nói Vô thượng là pháp, là nêu ra pháp chọn lấy người. Nói Bát-nhã là Vô thượng Minh chú, trong Đại Luận hỏi Thích Đề Hoàn Nhân tại vì sao lấy Bát-nhã làm Vô thượng Minh chú? Đáp: Các Thánh nhân ngoại đạo có nhiều loại chú thuật lợi ích cho nhân dân, người tụng chú này có thể tùy theo ý muốn sai khiến được các loại quỷ thần. Các loài Tiên có chú thuật đạt được thanh danh to lớn, nhân dân đều quy phục. Vì coi trọng chú này cho nên gọi Bát-nhã và lấy đó làm chú. Đế Thích thưa với Đức Phật rằng chú Bát-nhã này thường mang lại cho chúng sanh niềm vui đạo đức, còn các chú thuật khác luôn luôn tăng trưởng niệm ác. Thần chú Bát-nhã có năng lực diệt trừ đấm trước các thiên và Niết-bàn, huống là tham - sân..., vì vậy gọi là Đại Minh chú. Vô thượng Minh là Đại hoặc là Thượng cho nên tiếp theo gọi là Vô thượng. Vô Đẳng Đẳng là bậc này không có gì sánh bằng nên gọi là Vô Đẳng Đẳng, đều phá trừ vô minh cho nên cùng nói là Minh. Lại nữa, ngoại đạo có chú có thể biết rõ tâm niệm người khác, có chú có thể bay lượn biến hóa, có chú có thể trú trong thọ mạng lâu dài, ở trong các chú thì Bát-nhã vượt ra xa Vô lượng vô biên cho nên nói là Vô Đẳng. Vả lại, chư Phật ở trong tất cả chúng sanh là Vô Đẳng cho nên Bát-nhã gọi là Vô Đẳng, và Vô Đẳng

Đẳng là địa vị Diệu Giác vậy. Không có địa vị nào sánh bằng địa vị Vô Đẳng này cho nên nói là Vô Đẳng Đẳng. Vì vậy trong kinh Tịnh Danh đã ca ngợi Bồ tát đều là Đẳng Giác, địa vị gần cạnh Diệu Giác cho nên nói là tiếp cận trí tuệ tự tại Vô Đẳng Đẳng của Phật. Chú này có nghĩa Vô thượng giống như Diệu Giác cho nên nói là Vô Đẳng Đẳng, chính là bởi vì nghĩa của chú là Vô Đẳng Đẳng. Tiếp trong phần dẫn Đại Luận nên nói là nhân hạnh mà lại nói là Vị thì sợ rằng sai lầm, tiếp nhận thân pháp tánh, thực hành hạnh Bồ tát như trước đã giải thích. Trong phần dẫn Tịnh Danh nói là tiếp cận Vô Đẳng Đẳng ấy, địa vị Phật gọi là Vô Đẳng đệ nhất trong Vô Đẳng cho nên nói là Đẳng Đẳng. Đẳng Giác tiếp cận địa vị đó, nêu ra nơi tiếp cận ấy cho nên nói trí tuệ tự tại của Phật. Ma Vương mười phương là văn trong phẩm Bát Tư Nghị, Bồ tát nhập Địa có thể làm Ma Vương, Ma Vương không thể hết thấy là Bồ tát nhập địa kia cho nên chỉ nói là phần nhiều. Vì người thật hành không thể nào phiền não đối với Bồ tát ở địa vị sâu cho nên nói không phải con lừa mà chịu được, vì lẽ đó nay nói đều là Đẳng Giác. Tiếp theo là văn trong Tịnh Danh, tám tướng Sơ Trú chưa phải là địa vị cao nhất cho nên gọi là cho dù, vì vậy vẫn cần phải thực hành Bồ tát đạo Tự hành Hóa tha để tiến vào địa vị sau, đây là từ Sơ Trú thấy được lý vốn có. Vì vậy nêu ra lý để hiển bày đức, bí tạng chính phù hợp với lý sở kiến. Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận. Tiếp đến từ “Nhược ngôn...” trở xuống trình bày trong kinh này cũng nên nói là Hạnh mà cũng chỉ nói là Vị, thuận theo đều là dùng Vị hiển bày Hạnh, văn trước cũng như vậy. Từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận. Tiếp theo trong phần trình bày về Dụng, có ba: Nêu ra - Giải thích - Kết luận. Trong phần giải thích có hai: Trước là xưa, tiếp là nay. Trước là xưa lại có hai: Giải thích và kết luận. Đầu là Giáo, tiếp trong phần trình bày về thực hành lâu dài đầu tiên nói vô minh là nêu ra mất, hiển bày được. Nhất thiết chủng trí là chính thức trình bày về công hạnh của chủ thể nhận biết. Tất cả các pháp tức là bao gồm nêu ra Sở quán để hiển bày Năng quán. Từ “Minh vô minh...” trở xuống là đưa ra tướng quán. Từ “Nhược tri...” trở xuống là giải thích về tướng quán. Từ “Thị vi...” trở xuống kết luận tướng quán ấy hoàn toàn là quán Trung đạo, cũng cần phải có chữ Dụng, nhưng văn này lược bỏ. Tiếp theo trong phần trình bày về Nhân Nhất nói là một ngày... ấy, hoàn toàn là từ mở rộng làm mất đi, nêu ra nặng làm mất sở để trình bày về con người thù thắng. Đầu tiên nói một ngày thực hành Bát-nhã giống như mặt trời soi chiếu thế gian... ấy, trong phẩm Tập Ứng kinh Đại Phẩm nói: “Bồ tát thực hành Bát-nhã một ngày, vượt lên trên



hàng Nhị thừa, hàng Nhị thừa giống như loài đom đóm, không dấy lên ý niệm này: Sức mình có thể soi chiếu khắp nơi Diêm-phù-đề khiến cho sáng ngời. Nhị thừa cũng như vậy không dấy lên nghĩ rằng: Minh thực hành sáu Độ cho đến Bồ-đề.” Bồ-tát soi chiếu thế gian, chiếu rọi xuyên suốt pháp giới như soi sáng ba ngàn cho nên nói như mặt trời chiếu rọi thế gian, hơn hẳn ánh sáng Nhất Thiết Trí của Nhị thừa, Bồ tát hóa độ vụng về hãy còn chưa thấy “không” cho nên như ánh lửa con đom đóm. Nếu như người đi vào rừng cây Chiêm Bạc... ấy là giống như đi vào tịnh thất của Tịnh Danh trong cõi Thường Tịch Quang chỉ ngửi thấy mùi thơm vạn đức của pháp giới chư Phật, mùi thơm giáo đạo của Địa Tiên hãy còn không ngửi thấy, há ưa công đức hóa độ vụng về của công hạnh bé nhỏ hay sao? Vì vậy pháp thân Bồ tát xây dựng thân thể Chứng Trí, giống như chỗ ngồi của Thật Tướng, không nhờ vào uy lực của Đấng vương, các tập khí kiến tư trần ra trừ hết trước, cho nên năm trần của hai cõi Phần Đoạn và Phương Tiện, không thể nào vấy nhiễm vào Thật Báo Pháp thân. Do đó biết rằng những địa vị này đều là chủng loại Pháp thân Niệm Bất Thối cho nên ngay nơi ẩn là Thật Tướng Bất-nhã vì thế đều là vô biên, bởi vì căn cứ vào Lý cho nên khiến pháp vô biên. Từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận. Tiếp từ “Nhược vị...” trở xuống là vạch rõ giáo này không có bốn - nhất cho nên thô. Văn thiếu Nhân Nhất, vì Hành đã bao gồm, Hành ắt phải có Nhân cho nên vậy. Nói là che phủ tướng ấy, che phủ nhưng lại thường trú, tướng chân thật mà Dụng ở nơi Quyền, cũng lược bỏ chữ Dụng như trước có thể biết.

Tiếp theo là bốn chất vấn về Thể rộng hẹp của Quả, cũng có: Nêu ra, Giải thích và Kết luận. Trong phần giải thích có hai: Trước là xưa, tiếp là nay. Văn phần đầu lại có hai: Đầu là chất vấn, sau là kết luận. Đầu trong phần chất vấn có đầy đủ văn bốn - nhất nhưng mà dẫn Bát-nhã - Tịnh Danh chỉ là Lý Nhất và Giáo Nhất, còn lại hai loại dựa vào các văn trên dưới giống nhau có thể biết cho nên lược bớt không nói đến. Tiếp theo từ “Nhược vị Kim quả...” trở đi là chất vấn về bốn nhất ở trên quả của kinh này không thành tựu. Ban đầu là Giáo không đầy đủ, không hiểu rõ nên Giáo nhất không thành tựu. Trong Sở của Quang Trạch nói hiểu rõ Nhất Thừa cho nên đầy đủ rõ ràng, không hiểu rõ Phật tánh cho nên không đầy đủ không rõ ràng. Từ “Hà cố phục ngôn...” trở đi là Hành Nhất không thành tựu. Từ “Nhược Thể quả...” trở đi là Nhân Nhất không thành tựu. Những điều này hoàn toàn là ý Sở của Quang Trạch. Nói bảy trăm A-tăng-kỳ, trong Thủ Lăng Nghiêm quyển Hạ nói: “Bồ tát Kiên Thủ thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn!

---

Thọ mạng của Phật là bao nhiêu, đến thời gian nào nhập diệt? Đức Phật bảo với Kiên Thủ: Phương Đông cách nơi này ba vạn hai ngàn cõi Phật có cõi nước tên gọi Trang Nghiêm, Đức Phật ấy danh hiệu là Chiêu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương, đầy đủ mười hiệu, hiện nay đang thuyết pháp. Như Đức Phật ấy vốn có thọ lượng như vậy, thọ mạng của Ta cũng như vậy. Lại hỏi: Thọ mạng của Đức Phật ấy là bao nhiêu? Đức Phật dạy: Ông tự mình đến hỏi thì Đức Phật ấy tự Ngài sẽ trả lời. Kiên Thủ nhờ thần lực của Phật trong khoảng một niệm liền đến nơi cõi nước ấy đánh lễ, vòng quanh Đức Phật rồi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Thọ mạng của Ngài là bao nhiêu, thời gian nào Ngài nhập diệt? Đức Phật ấy trả lời rằng: Như thọ mạng của Phật Thích Ca, Ta cũng như vậy. Ông muốn biết thì thọ mạng của Ta là bảy trăm A tăng kỳ kiếp, Phật Thích Ca cũng như vậy. Kiên Thủ trở về thưa với Đức Phật xong, A Nan thưa: Như con hiểu lời Phật đã nói, Đức Phật ấy là danh hiệu khác của Phật Thích Ca. Đức Phật bảo với A Nan: ông nhờ Phật lực mới biết được điều này, cho đến Thượng phương có cõi nước tên gọi Nhất Đăng Minh... đều là phân thân của Phật Thích Ca”. Từ “Nhược ngôn...” trở đi là Lý Nhất không thành tự. Nói cần phải đầy đủ năm mắt trông thấy Phật tánh ấy, là dựa vào không thấy Phật tánh thì không có Phật nhãn. Từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận. Tiếp đến trong phần Quả Vị cũng có ba: Nêu ra, Giải thích và kết luận. Trong phần giải thích cũng thuận theo trước là nêu ra xưa có, tiếp là mở rộng nay không có. Trong văn từ lược bỏ thẳng đến nêu ra nay không có, theo các phần giải thích trước đây nghiệm biết phá bỏ xưa kia. Tiếp theo trong phần Quả Dụng cũng có ba: Nêu ra, Giải thích và kết luận. Trong phần giải thích cũng không đưa ra xưa kia mà thẳng thắn nêu ra văn nay, theo trước có thể biết, trong đó có hai: Trước là chính thức phá bỏ không có bốn, nhất, tiếp là mở rộng phá bỏ thần thông. Văn phần đầu có hai: Trước là phá bỏ rõ, tiếp là kết luận có thể biết.

